

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/DS-ST
Ngày: 02-08-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà.

2. Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Đoàn Ngọc H.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn:

Ông Hoàng Văn S.

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Bà Lê Thị Ng.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2) Bà Vũ Thị Th.

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng .

Các đương sự ông H, bà Ng, ông S bà Th có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông H và bà Ng trình bày:

Vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông S bà Th vay 04 lần và tổng cộng số tiền 04 lần vay là 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi tư triệu đồng). Mỗi lần vay, vợ chồng ông S có ký vào sổ nhận nợ của vợ chồng ông H.

Đến ngày 07-06-2014, hai bên đã làm giấy chốt nợ và thỏa thuận trả 100.000.000 đồng, còn lại 84.000.000 đồng, chỉ viết giấy chứ ông S không đưa tiền. Thời hạn trả ngày 30-12-2014. Giấy chốt nợ ngày 15-02-2014 đã bị ông S xé bỏ. Giữa ông H và ông S có thỏa thuận nếu ông H ghi giấy nợ 120.000.000 đồng chứ không ghi 184.000.000 đồng thì tới ngày 08-06-2014 vợ chồng ông S sẽ trả cho ông H 100.000.000 đồng, mục đích thỏa thuận này là để ông S nói dối với bà Th là ông S nợ 120.000.000 đồng, nếu không bà Th sẽ không đồng ý trả tiền. Ngày 08-06-2014, bà Th có trả cho bà Ng số tiền 100.000.000 đồng tại nhà bà Th, khi giao tiền có làm giấy giao tiền ngày 08-06-2014, không có mặt ông H và ông S chỉ có mặt ông Hoàng Văn N là anh trai của ông S làm chứng.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu vợ chồng ông S bà Th có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 84.000.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 08-6-2014 đến ngày 2-8-2017 là 37 tháng (làm tròn) x 1.25%/tháng = 34.890.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 118.890.000 đồng.

Về tài liệu chứng cứ chứng minh là giấy giao tiền ngày 08-06-2014; giấy nhận nợ ngày 07-06-2014; 03 tài liệu cắt ra từ một sổ không ghi tiêu đề có đặc điểm như biên bản giao nhận chứng cứ ngày 24-04-2017.

Đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng ông S bà Th yêu cầu vợ chồng ông H, bà Ng có trách nhiệm trả lại số tiền trả dư là 16.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi thì vợ chồng ông, bà không chấp nhận trả.

Theo đơn khởi kiện phản tố, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông S bà Th trình bày:

Ông, bà thừa nhận lời trình bày của ông H bà Ng như trên là hoàn toàn đúng sự thật, vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông H số tiền là 184.000.000 đồng. Số tiền này cá nhân ông S vay chứ không phải cả hai vợ chồng vay. Khi vay và khi chốt nợ 184.000.000 đồng bà Th là vợ ông S biết. Ngày 07-06-2014 hai bên đã chốt nợ, ông S còn nợ ông H 184.000.000 đồng, vợ chồng ông S đã trả cho vợ chồng ông H số tiền 100.000.000 đồng, hẹn đến 30-12-2014, lãi suất 13%/tháng. Trả tiền tại quán nhà ông S tại số nhà 117, thôn 4, xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Khi trả tiền có ông H và ông S không có ai chứng kiến. Khi trả có làm giấy nhận nợ, xác định ông S còn nợ ông H 84.000.000 đồng. Giấy này do bà Ng ghi, ông S ký và ghi họ tên

Hoàng Văn S. Khi trả tiền cho ông H xong ông S không nói lại với bà Th. Tiền lãi ông S đã trả cho ông H, nay không có yêu cầu gì, coi như đã trả xong tiền lãi.

Đến ngày 08-06-2014 bà Th đã đưa cho bà Ng thêm 100.000.000 đồng. Khi bà Th trả tiền cho bà Ng, ông S đi Sài Gòn nên không biết, bà Th khi trả tiền cũng không báo cho ông S biết, đến ngày 09-06-2014 thì bà Th mới nói cho ông S biết. Như vậy, vợ chồng ông S đã đưa cho vợ chồng ông H, bà Ng tổng cộng 200.000.000 đồng, còn thừa 16.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông H, bà Ng yêu cầu vợ chồng ông bà có trách nhiệm thanh toán cả tiền gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi là 34.890.000 đồng thì vợ chồng ông, bà không đồng ý. Vợ chồng ông, bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà Ng có trách nhiệm trả lại số tiền trả thừa là 16.000.000 đồng cho vợ chồng ông và không yêu cầu tiền lãi.

Về tài liệu chứng cứ chứng minh là giấy giao tiền ghi ngày 08-06-2014.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông S bà Th số tiền gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi 33.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S buộc vợ chồng ông H bà Ng thanh toán số tiền 16.000.000 đồng. Về án phí vợ chồng ông H, bà Ng chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông S bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ông H, bà Ng xác định vợ chồng ông có cho vợ chồng ông S bà Th vay 184.000.000 đồng và đã trả 100.000.000 đồng còn 84.000.000 đồng và 34.890.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 08-6-2014 đến ngày 02-8-2017 (Làm tròn) chưa thanh toán. Về yêu cầu phản tố của ông S bà Th yêu cầu vợ chồng ông H, bà Ng thanh toán 16.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông H, bà Ng với ông S bà Th là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản là đúng quy định của pháp luật.

Về thời hiệu: Theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện vào ngày 15-02-2014 giữa ông H, bà Ng và ông S bà Th có giao kết hợp đồng vay tài sản. Ngày 17-1-2017 ông H khởi kiện nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Đến ngày 17-4-2017 vợ chồng ông S ông H làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu vợ chồng ông H bà Ng trả 16.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 184 BLTTDS xác định yêu cầu của ông H còn trong thời hiệu.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ lời khai lời trình bày các bên, vợ chồng ông H, bà Ng với vợ chồng ông S bà Ng thống nhất xác định vợ chồng ông S bà Th có vay của vợ chồng ông H 184.000.000 là có thật phù hợp tài liệu chứng cứ giấy viết tay ghi ngày 07-6-2014 và giấy giao tiền ngày 08-6-2014.

Ông H yêu cầu vợ chồng ông S bà Th thanh toán số tiền nợ gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi 34.890.000 đồng thì căn cứ vào tài liệu chứng cứ giấy nhận nợ ngày 07-6-2014 (BL 28) và Giấy giao tiền ngày 08-6-2014 (BL26) thể hiện đến ngày 07-6-2014 ông S nợ ông H 184.000.000 đồng “*Nay tôi trả 100.000.000 đồng còn nợ lại 84.000.000 đồng*” cho thấy ngày 07-6-2014 vợ chồng ông S bà Th còn nợ 84.000.000 đồng. Đến ngày 08-6-2014 bà Th vợ ông S có giao cho bà Ng vợ ông H số tiền là 100.000.000 đồng được các bên thừa nhận như vậy tổng cộng vợ chồng ông H bà Ng nhận của vợ chồng ông S 200.000.000 đồng. Tuy nhiên ông H cho rằng vào ngày 7-6-2014 vợ ông là bà Ng có viết giấy nhận nợ có ghi nội dung ông S trả 100.000.000 đồng nhưng thực tế không có việc giao nhận tiền. Hơn nữa giữa vợ chồng ông H, bà Ng và ông S có thỏa thuận việc ông S vay tiền 184.000.000 đồng vợ ông S là bà Th không biết nên không ghi số nợ 180.000.000 đồng mà ghi 120.000.000 đồng thì bà Th vợ ông S sẽ đồng ý trả thì cho thấy vợ chồng ông H, bà Ng trình bày không đúng thực tế khách quan, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chính mình cung cấp, hơn nữa vợ chồng ông H bà Ng làm nghề cho vay đáo hạn ngân hàng.

Từ những phân tích nêu trên về tài liệu chứng cứ của ông H là không có căn cứ nên cần áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền vay gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi 34.890.000 đồng cộng chung tiền gốc và tiền lãi là 118.890.000 đồng là phù hợp.

Về yêu cầu phản tố của vợ chồng ông S bà Th cho cho thấy vào ngày 07-6-2014 ông S thanh toán cho ông H số tiền 100.000.000 đồng Giấy nhận nợ ngày 7-6-2014, đến ngày 8-6-2014 bà Th vợ ông S thanh toán tiếp 100.000.000 đồng như vậy vợ chồng ông S bà Th đã trả dư 16.000.000 đồng là có thật phù hợp với đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai của các đương sự tại Tòa án nên cần chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông S bà Th là phù hợp.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của ông H không được chấp nhận nên vợ chồng ông H, bà Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 118.890.000 đồng và 16.000.000 đồng về yêu cầu phản tố của vợ chồng ông S bà Th được hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng số tiền mà vợ chồng ông H bà Ng chịu tiền án phí của số tiền là 134.890.000 đồng x 5% là 6.744.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2013/004228

ngày 17-01-2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Di Linh. Vợ chồng ông H bà Ng, còn phải nộp 3.744.000 đồng.

Do yêu cầu của bà vợ chồng ông S bà Th được chấp nhận nên vợ chồng ông S bà Th không phải chịu tiền án phí ông S bà Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng theo biên lai thu số AA/2013/004438 ngày 28-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng các; Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc H về yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Văn S bà Vũ Thị Th thanh toán số tiền vay gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi 34.890.000 đồng cộng chung tiền gốc và tiền lãi là 118.890.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của vợ chồng ông Hoàng Văn S bà Vũ Thị Th buộc vợ chồng ông Đoàn Ngọc H và bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Hoàng Văn S bà Vũ Thị Th số tiền 16.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Vợ chồng ông Đoàn Ngọc H và bà Lê Thị Ng cùng phải chịu tiền án phí sơ thẩm của số tiền là 118.890.000 đồng + 16.000.000 đồng = 134.890.000 đồng x 5% = 6.744.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0004228 ngày 17-1-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Vợ chồng ông H, bà Ng còn phải nộp 3.744.000 đồng.

Vợ chồng ông S bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0004438 ngày 28-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Dương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Toàn